

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### 3.1 Tiêu chuẩn về kỹ thuật

a) Về phạm vi cung cấp VTTB:

Về phạm vi cung cấp VTTB	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cung cấp đầy đủ số lượng và chủng loại VTTB theo yêu cầu của HSMT.</li><li>- Cam kết cung cấp hàng chính hãng mới 100%, đảm bảo khi lắp ráp vào xe phải phù hợp, đồng bộ và xe vận hành tốt.</li><li>- Các vật tư thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải có Giấy chứng nhận kiểm định và biên bản kiểm định đạt yêu cầu của cơ quan có chức năng cấp. Đối với gàu nâng người : Nhà thầu phải có Biên bản thử nghiệm điển hình chịu được điện áp công nghiệp 50kV trong 01 phút của cơ quan có chức năng cấp (đính kèm theo hồ sơ dự thầu).</li></ul>	Đạt
	Không thuộc trường hợp trên.	Không đạt
Kết luận	Đánh giá là đạt, được đánh giá là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

b) Các yêu cầu về bảo hành:

Cam kết thời gian bảo hành hàng hóa là 36 tháng <b>hoặc 12.000 km</b> kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành hàng hóa nhà thầu phải cam kết thực hiện các bảo trì hay sửa chữa trong vòng 03 ngày làm việc khi có yêu cầu của Chủ đầu tư mà hàng hóa không đạt chất lượng.	Thời gian bảo hành 36 tháng <b>hoặc 12.000 km</b> kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng tùy theo điều kiện nào đến trước. kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.	Đạt
	Thời gian bảo hành dưới 36 tháng <b>hoặc dưới 12.000 km</b> kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.	Không đạt
Kết luận	Đánh giá là đạt, được đánh giá là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

## c) Tiến độ thực hiện:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<u>1. Thời gian sửa chữa:</u> - Đảm bảo thời gian sửa chữa không quá thời gian yêu cầu trong HSMT (20 ngày kể cả ngày thứ bảy chủ nhật, trừ các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước).	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá thời gian yêu cầu trong HSMT (20 ngày kể cả ngày thứ bảy chủ nhật, trừ các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước)	Đạt
	Đề xuất thời gian thi công vượt quá thời gian yêu cầu trong HSMT.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 1 được đánh giá là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết 1 được đánh giá là không đạt.	Không đạt

## d) Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết

Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Giấy phép đăng ký môi trường theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 32 Nghị định số <a href="#">08/2022/NĐ-CP</a> ngày 10/1/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Đạt
	Không có Giấy phép đăng ký môi trường theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 32 Nghị định số <a href="#">08/2022/NĐ-CP</a> ngày 10/1/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 1 được đánh giá là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết 1 được đánh giá là không đạt.	Không đạt

e) Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>- Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu.</p>	<p>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;</p> <p>d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;</p> <p>đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn;</p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.</p> <p><b>Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu đối với nhà thầu khác trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi vi phạm nêu trên.</b></p>	<p>Không đạt</p>
	<p>Không thuộc trường hợp nêu.</p>	<p>Đạt</p>
<p><b>Kết luận</b></p>	<p>Nội dung nêu trên được đánh giá là đạt.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Nội dung nêu trên được đánh giá là không đạt.</p>	<p>Không đạt</p>